

DI CƯ ĐÔ THỊ VÀ HIỆU ỨNG ĐẾN CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY

Đỗ Cao Phúc

Trường Đại học Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

ARTICLE INFORMATION TÓM TẮT

Journal: Vinh University
Journal of Science
p-ISSN: 3030-4660

Volume: 53

Issue: 1B

***Correspondence:**
caophucdo@gmail.com

Received: 12 September 2023

Accepted: 27 December 2023

Published: 20 March 2024

Citation:
Đỗ Cao Phúc (2024). Di cư đô thị và hiệu ứng đến công nhân lao động ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay. *Vinh Uni. J. Sci.* Vol. 53 (1B), pp. 33-45
doi: 10.56824/vujs.2023b103

OPEN ACCESS

Copyright © 2024. This is an Open Access article distributed under the terms of the [Creative Commons Attribution License \(CC BY NC\)](#), which permits non-commercially to share (copy and redistribute the material in any medium) or adapt (remix, transform, and build upon the material), provided the original work is properly cited.

Bài viết đề cập đến yếu tố di cư gắn với sự chuyển dịch của công nhân lao động ở Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể là về số lượng lao động theo thành thị và nông thôn, theo khu vực kinh tế và khu vực doanh nghiệp. Trên cơ sở đó đã có những hiệu ứng theo hai xu hướng tích cực và hạn chế, đặc biệt là đối tượng lao động nhập cư. Phương pháp nghiên cứu duy vật biện chứng, duy vật lịch sử cùng với phương pháp tiếp cận của khoa học lịch sử đã được sử dụng. Ngoài ra còn áp dụng phương pháp thu thập dữ liệu và phương pháp phân tích dữ liệu kết hợp với tiếp cận xã hội học. Kết quả nghiên cứu phục dựng lại bức tranh tổng thể về quá trình di cư ở Thành phố Hồ Chí Minh và những tác động từ nhân tố này. Đồng thời, bài viết đưa ra một số kiến nghị để hoàn thiện các chính sách cho đội ngũ này với mục đích tư vấn cho chính quyền để phát huy lao động nhập cư trong những năm tiếp theo.

Từ khóa: Di cư; đô thị; lao động; chuyển dịch; Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Giới thiệu

Di cư là một vấn đề được các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm, bởi không diễn ra ở một địa phương, tỉnh thành, quốc gia mà còn phạm vi khu vực và quốc tế. Do đó, đây là một nội dung mang tính thời sự có ý nghĩa quan trọng tác động đến sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. So với các địa phương khác trên cả nước, Thành phố Hồ Chí Minh (TP. HCM) có số lượng lao động nhập cư tập trung đông nên có thể xem đây là một nguồn lực tác động rất lớn đến công cuộc xây dựng thành phố trong nhiều năm qua. Trên cơ sở khảo sát từ tình hình thực tế, tác giả thấy rằng hiện nay lao động nhập cư chiếm gần 70% lao động của thành phố nên việc nghiên cứu về những biến đổi dẫn đến sự tác động đến các mặt trong đời sống người dân nơi đây mang ý nghĩa thực tiễn. Từ đó, kiến nghị cho chính quyền thành phố để hoàn thiện và thực hiện các chính sách xã hội cho lao động nhập cư.

2. Phương pháp nghiên cứu

Thực hiện bài viết này, phương pháp nghiên cứu duy vật biện chứng, duy vật lịch sử cùng với phương pháp tiếp cận của khoa học lịch sử đã được sử dụng. Ngoài ra, phương pháp thu thập dữ liệu và phương pháp phân tích dữ liệu kết hợp với tiếp cận xã hội học cũng được sử dụng để phân tích sự chuyển dịch của lao động giữa thành thị và nông thôn, khu vực kinh tế và theo khu vực doanh nghiệp dưới tác động của di cư. Kết hợp với việc kế thừa các dữ liệu thứ cấp thu thập được trong các nghiên cứu gần đây để phân tích và đánh giá quá trình lao động di cư vào TP. HCM, bài viết chỉ ra điểm tích cực, hạn chế của hiện tượng xã hội này và đưa ra những kiến nghị khả dĩ nhằm nâng cao chất lượng trong những năm tiếp theo.

3. Kết quả

3.1. Khái niệm về di cư

Di cư được định nghĩa một cách rộng rãi như là một sự thay đổi tạm thời hoặc vĩnh viễn nơi cư trú. Theo E. Lee (1993), một số các yếu tố quyết định đến việc nhập cư của người dân từ nông thôn ra thành thị dựa trên 4 nhóm yếu tố: (1) Các yếu tố gắn bó với nơi ở gốc; (2) Các yếu tố gắn với nơi sẽ đến; (3) Các trở ngại nhập cư; (4) Các yếu tố thuộc về người nhập cư.

Ở Việt Nam, di cư được định nghĩa là sự di chuyển của con người từ một đơn vị hành chính này đến một đơn vị hành chính khác trong một khoảng thời gian nhất định. Một người được coi là người di cư nếu nơi thực tế thường trú hiện nay và nơi thực tế thường trú 05 năm trước thời điểm điều tra không cùng một đơn vị hành chính cấp xã (Tổng Cục thống kê, 2020, tr. 19). Ngoài nhân tố bất ổn chính trị, kinh tế - xã hội, chiến tranh, thảm họa thiên nhiên, biến đổi khí hậu thì nhân tố kinh tế như thu nhập thấp, nghèo đói, thiếu việc làm và các lựa chọn mưu sinh là động lực chính trong quyết định di cư. Trên thực tế, do sự chênh lệch về mức sống, cơ hội có việc làm với thu nhập cao hơn ở các địa phương, tỉnh thành trong cả nước đã thúc đẩy lao động di cư tìm những cơ hội mới, mặc dù chỉ là tạm thời. Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế thì di cư vì mục đích kinh tế là loại hình di cư nổi trội phổ biến nhất. Ở một số quốc gia phát triển như Nhật, Hàn Quốc... thì do sự già hóa dân số, thiếu lao động trẻ nên các nước này có nhu cầu rất lớn về sức lao động và dịch vụ do nước ngoài cung cấp.

Di cư trong nước không phải là một hiện tượng mới trong xã hội Việt Nam mà đây là một phần của yếu tố lịch sử. Năm 1975, sau khi miền Nam được giải phóng đã có một sự di chuyển dân số lớn từ thành phố về các khu vực nông thôn. Từ năm 1990 có sự thay đổi trong các chính sách di cư, các chương trình di cư không còn tập trung vào các vùng kinh tế mới nữa mà chuyển sang các chương trình tái định cư lồng ghép với chương trình phủ xanh đất trống đồi núi trọc và các chương trình phục hồi ven biển. Ngoài ra, chính sách Đổi Mới cũng thúc đẩy sự phát triển kinh tế nhanh chóng và góp phần giúp Việt Nam xóa đói giảm nghèo. Lao động khu vực ngoài quốc doanh bắt đầu tăng nhanh với sự xuất hiện của đầu tư trực tiếp nước ngoài, thu hút lao động và khuyến khích người dân di cư tới những khu vực có nhiều công ăn việc làm. Song song với xu hướng di chuyển này là xu hướng ngày càng ít người dân sống dựa vào các sản phẩm truyền thống hoặc sản xuất nông nghiệp, vì thế người ta thường chọn giải pháp di cư đi khỏi khu vực của mình. Khi quá trình công nghiệp hóa và phát triển kinh tế tiếp diễn với sự gia tăng các hoạt động kinh tế

trong lĩnh vực sản xuất và trong các khu công nghiệp đóng tại hoặc gần các thành phố lớn, sự khác biệt giữa nông thôn và thành thị ngày càng lớn (Liên Hiệp quốc tại Việt Nam, 2010, tr. 20).

3.2. Sự phát triển kinh tế của TP. HCM là động lực quan trọng cho quá trình di cư

Theo *World Population Review*, truy cập vào tháng 10 năm 2023, dân số Việt Nam là 98.943.239 người, trong khi đó dân số TP. HCM đạt 9.320.866 người (World Population Review, 2023). Với 0,6% diện tích và là thành phố đông dân nhất chiếm 9,4% dân số cả nước và 50,4% dân số vùng Đông Nam Bộ, TP. HCM là nơi có hoạt động kinh tế năng động nhất, đi đầu cả nước về tốc độ tăng trưởng, đặc biệt là tăng trưởng về công nghiệp và dịch vụ. Giai đoạn 2011-2015, tổng sản phẩm trên địa bàn thành phố (GRDP) bình quân đạt 9,6%/năm, gấp 1,63 lần bình quân chung của cả nước (Đảng bộ TP. HCM, 2015). Giai đoạn 2016-2020, TP. HCM tăng trưởng kinh tế khá nhanh, chất lượng tăng trưởng tốt, đạt bình quân ở mức 6,41%/năm, đóng góp trên 22% GDP và 27% tổng thu ngân sách Nhà nước (Đảng bộ TP. HCM, 2020). Năm 2021, do ảnh hưởng từ đại dịch Covid, nền kinh tế bị tác động nghiêm trọng và suy thoái. TP. HCM đã nỗ lực cố gắng phục hồi nền kinh tế sau đại dịch, thành tựu đạt được từ mức giảm sâu 5,36% của năm 2021 (chưa từng có trong lịch sử), đến 2022 GRDP của thành phố ước đạt 1.479.227 tỷ đồng (theo giá hiện hành). Tính theo giá so sánh 2010, tăng trưởng GRDP đạt 1.021.894 tỷ đồng, tăng 9,03% so với năm 2021 (Cục thống kê TP. HCM, 2021).

Từ 2022 đến nay, nền kinh tế TP. HCM được khôi phục sau đại dịch Covid-19, lao động ngoại tỉnh trở lại làm việc góp phần làm cho quá trình dịch chuyển cơ cấu lao động rõ rệt và tác động thúc đẩy tích cực đến cơ cấu kinh tế. Đơn cử như khu vực thương mại dịch vụ chiếm tỷ trọng cao nhất (64%), công nghiệp - xây dựng (22,1%), nông nghiệp (13,9%)... Trong đó, 9 ngành dịch vụ chiếm ưu thế đạt 58,7% GRDP, chiếm 91,7% trong khu vực dịch vụ, cụ thể 4 ngành chiếm tỷ trọng cao trong GRDP là thương nghiệp 16,4%; vận tải kho bãi 8,7%; tài chính ngân hàng 10,1%; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ 5,3% - đây là những ngành là chủ đạo và chiếm 40,5% trong tổng GRDP của thành phố, chiếm 63,3% nội bộ khu vực dịch vụ (Cục thống kê TP. HCM, 2023).

Tác động từ quá trình toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, đặc biệt với nền kinh tế thị trường làm cho cơ cấu chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng khu vực nhà nước (16,7%), tăng tỷ trọng đầu tư ngoài nhà nước (69,1%), tỷ trọng khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) giữ ổn định (14,2%). Tính đến quý II năm 2023, TP. HCM tiếp tục vẫn là trung tâm công nghiệp quan trọng, giữ vai trò đầu tàu của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, nơi thu hút và tích tụ vốn đầu tư nước ngoài lớn, số dự án đầu tư vào thành phố chiếm khoảng 1/3 tổng số dự án đầu tư nước ngoài trên cả nước. Đặc biệt, từ ngày 1/8/2023, TP. HCM bắt đầu thực hiện cơ chế đặc thù mới theo Nghị quyết 98/2023/QH15 (Nghị quyết 98) về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TP. HCM tác động tích cực đến lao động nhiều ngành, nghề và lĩnh vực đầu tư.

Nền kinh tế TP. HCM phát triển mạnh đã thu hút lao động di cư nơi khác đến và tuân theo sự phân công lao động xã hội trên địa bàn. Quá trình này là tất yếu do nhu cầu nguồn nhân lực cho phát triển công nghiệp một phần dựa vào nguồn lao động nhập cư đông đảo đã hình thành ở TP. HCM trong những năm qua. Năm 2007, Luật đầu tư được ban hành đã thúc đẩy mạnh việc cải thiện môi trường đầu tư trực tiếp nước ngoài, cộng với

chủ trương phát triển các khu chế xuất, khu công nghiệp ở TP. HCM đã tạo ra một kênh thu hút lao động đầy tiềm năng và hiệu quả, góp phần quan trọng giải quyết việc làm cho lao động tại chỗ (kể cả số lao động của những hộ bị thu hồi đất) và lao động ngoài thành phố đến làm việc.

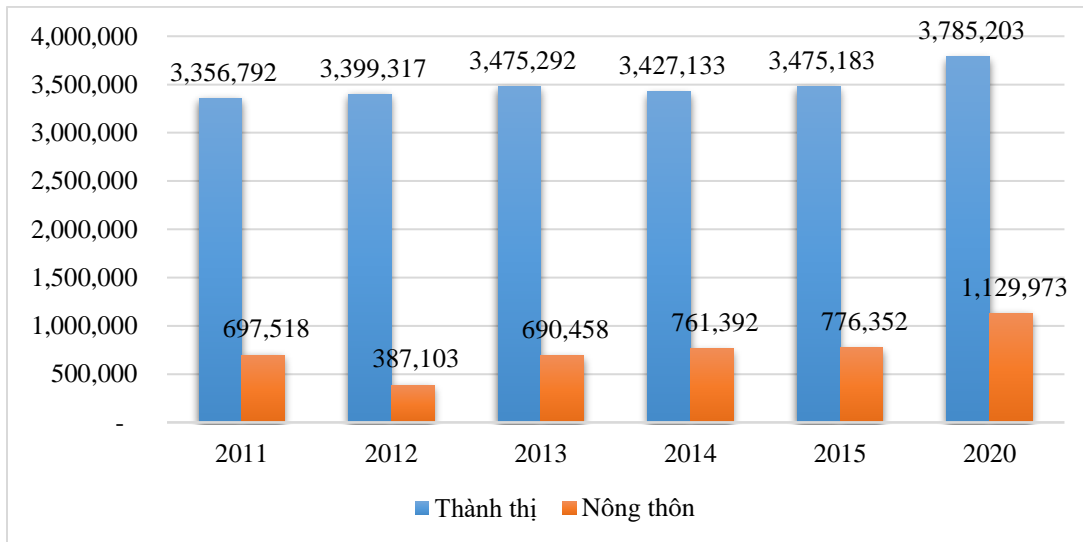
Là điểm đến lý tưởng cho lao động nhập cư, việc gia tăng dân số cơ học tại TP. HCM diễn ra hết sức mạnh mẽ. Qua các kỳ Tổng điều tra năm 1999, 2009, 2019 cho thấy dân số thành phố liên tục tăng, nhưng dân số di cư chỉ tăng trong giai đoạn 1999-2009 với khoảng 1 triệu người năm 1999 lên 1,64 triệu người năm 2009, sau đó giảm xuống còn 1,62 triệu người năm 2019. Kết quả Tổng điều tra năm 2019 cho thấy, trong số hơn 8,44 triệu dân từ 5 tuổi trở lên, có 5,6% tương ứng với 472 nghìn người di cư trong quận, huyện; 4,4% tương ứng 374 nghìn người di cư giữa các quận, huyện; 9,1% tương ứng 772 nghìn người di cư giữa các tỉnh và có một tỷ lệ rất nhỏ chiếm 0,3% tương ứng khoảng 23 nghìn người nhập cư quốc tế. Như vậy, số người nhập cư vào thành phố là 772.009 người, bình quân mỗi năm có 154.402 người nhập cư. Giai đoạn 1999-2019, di cư giữa các tỉnh vẫn là loại hình di cư chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu di cư. Cụ thể, năm 1999 chiếm 10,5%, năm 2009 chiếm 15,4%, năm 2019 chiếm 9,1% (Cục thống kê TP. HCM, 2020).

3.3. Quá trình tái cơ cấu kinh tế, chuyển dịch lao động nhập cư vào TP. HCM

Di cư là một quá trình thúc đẩy sự dịch chuyển lao động thông qua việc lập đi những khoảng trống trong thị trường lao động chính quy và phi chính quy tại nơi đến. Số người di cư chủ yếu là tập trung tại các quận, huyện như quận Bình Tân (142.017 người), huyện Nhà Bè (33.828 người), Quận 9 (70.388 người), Quận 12 (113.827 người), huyện Bình Chánh (109.915 người), quận Tân Phú (87.461 người), quận Thủ Đức (100.397 người), quận 7 (57.899 người), quận 2 (29.918 người), huyện Hóc Môn (64.161 người)... Phần lớn những người di cư vào thành phố với lý do kinh tế (41,4%) tại các khu vực có các khu công nghiệp, khu chế xuất như huyện Củ Chi (56,9%), quận Bình Tân (50,3%), quận Thủ Đức (47,3%). TP. HCM cũng có lượng lớn người di cư với lý do học tập và cũng tập trung ở một số quận có nhiều cơ sở giáo dục đào tạo như quận Thủ Đức (17,6%), Quận 9 (10,8%), quận Gò Vấp (14,0%). Ngoài lý do kinh tế, học tập thì phần lớn người di cư với lý do là theo gia đình, khi nghỉ hưu, kết hôn (47,2%) và cũng tập trung nhiều ở các quận, huyện vùng ven là chính. Người di cư thường lựa chọn những nơi có chi phí nhà ở, sinh hoạt thấp vì đa số họ còn phải gửi tiền về quê hoặc là sống phụ thuộc vào tiền của gia đình ở quê gửi vào nên những nơi này tập trung rất lớn các khu nhà trọ công nhân, sinh viên.

Với đặc trưng là một nước đang phát triển, đại bộ phận dân số sống ở nông thôn và đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, di cư từ nông thôn đến thành thị ở Việt Nam nói chung và TP. HCM nói riêng là hiện tượng tự nhiên và luôn chiếm tỷ trọng lớn thứ hai trong các luồng di cư qua 2 kỳ Tổng điều tra. Từ năm 2009 đến 2019, luồng di cư nông thôn - thành thị giảm xuống từ 44,9% xuống còn 27,2%. Di cư từ thành thị đến nông thôn vẫn là luồng di cư có tỷ trọng thấp nhất, nhưng có xu hướng tăng lên từ 5,3% lên 8,0%. Như vậy, luồng di cư từ nông thôn đang có xu hướng giảm trong khi luồng di cư từ thành thị ghi nhận xu hướng tăng. Lý giải cho sự thay đổi này là do cơ hội việc làm và điều kiện sống ở khu vực nông thôn được cải thiện nhờ sự mở rộng của các khu công nghiệp,

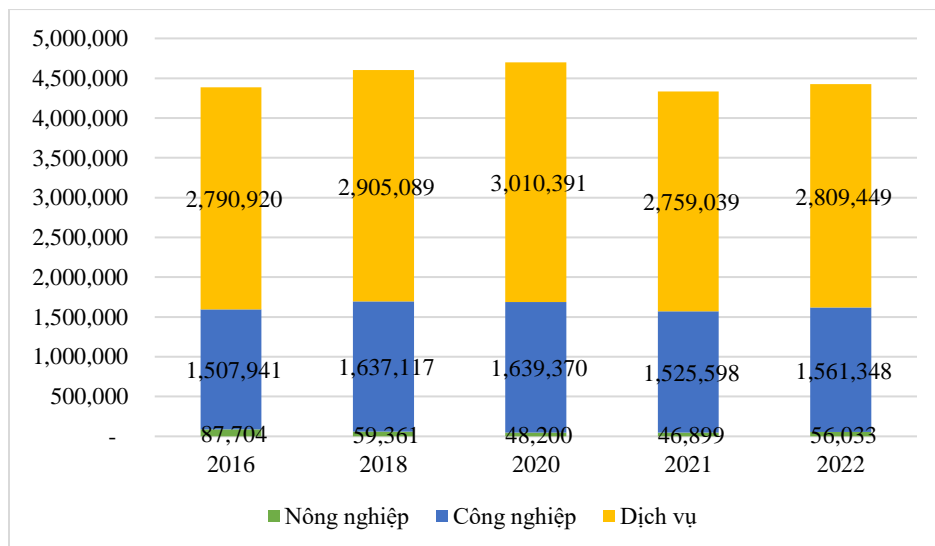
khu chế xuất cũng như chủ trương phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới của Đảng và Nhà nước đang được triển khai khá hiệu quả.



Hình 1: Số lượng lao động thành thị và nông thôn

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ các Niên giám thống kê TP. HCM

Số lượng lao động thành thị và nông thôn, thể hiện ở Hình 1, cho thấy tương quan lực lượng lao động giữa thành thị và nông thôn có sự chênh lệch lớn do ảnh hưởng từ quá trình di cư. Ở các huyện ngoại thành, do ảnh hưởng của di cư và đô thị hóa nên lao động nông nghiệp có những bước chuyển dịch rõ nét. Các hộ nông nghiệp sắp xếp lại cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, tham gia hoạt động nhiều ngành nghề, vừa lao động nông nghiệp gắn với sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngày càng gia tăng, còn số hộ thuần nông nghiệp dần dần chiếm tỷ lệ thấp.



Hình 2: Số lượng công nhân lao động theo khu vực kinh tế

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ các Niên giám thống kê TP. HCM

Hình 2 biểu thị số lượng công nhân lao động theo 03 khu vực kinh tế: nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ. Trong đó, lao động dịch vụ luôn chiếm số lượng cao nhất trong các năm 2016, 2018, 2020, 2022 (thấp nhất 2.790.920 người, cao nhất đạt 3.010.391 người) và tỷ lệ lao động nhập cư tham gia chiếm số đông. Bên cạnh đó, số lượng lao động nông nghiệp thấp nhất so khu vực công nghiệp, dịch vụ (lao động trong nông nghiệp từ năm 2016 là 87.704 thì đến năm 2022 giảm còn 56.033 lao động). Nhìn chung, qua những con số đã được thể hiện rõ nét, kinh tế TP. HCM có sự chuyển biến mạnh mẽ theo hướng công nghiệp, dịch vụ và cho thấy vận động phù hợp với quy luật của nền kinh tế thị trường. Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa vừa diễn ra song song, kết hợp và hỗ trợ làm cho cơ cấu ngành kinh tế có sự thay đổi rõ nét, đó là sự tăng dần khu vực công nghiệp và dịch vụ, giảm khu vực Nông - Lâm - Ngư nghiệp. Do có sự dịch chuyển mạnh giữa các ngành kinh tế: nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ về số lượng lao động tham gia vào các ngành có sự thay đổi lớn. Trong đó, nổi bật nhất 2 lĩnh vực gồm dịch vụ và công nghiệp thu hút được nhiều số lượng, lao động dịch vụ ngày càng phát triển do quá trình tất yếu của sự phát triển của nền kinh tế và tác động của di cư, đô thị hóa. Đây là nhóm khu vực thu hút khá nhiều lao động nhập cư làm việc.

Mặc dù chịu tác động bởi Covid-19, khu vực dịch vụ vẫn giữ được nhịp độ tăng trưởng về lao động, trong khi đó lao động trong khu vực công nghiệp - xây dựng lại giảm khá sâu so với cùng thời điểm năm 2019. Lao động trong khu vực công nghiệp - xây dựng giảm chủ yếu do chịu tác động bởi 2 nguyên nhân chính đó là:

- Sự dịch chuyển của các doanh nghiệp khi mở rộng cơ sở ra các tỉnh lân cận, kéo theo sự dịch chuyển về lao động trong các doanh nghiệp; cũng trong giai đoạn này tốc độ tăng lao động luôn thấp hơn so với tốc độ tăng số lượng doanh nghiệp cho thấy xu hướng các doanh nghiệp có quy mô lao động bình quân ngày càng giảm, số lượng các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ tăng nhanh hơn so với số lượng doanh nghiệp vừa và lớn.

- Dịch bệnh Covid-19 xuất hiện vào đầu năm 2020 và cao điểm từ khoảng trung tuần tháng 4 đến cuối tháng 9 năm 2020 và tiếp tục đạt đỉnh cao giữa năm 2021 đã làm đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu dẫn đến nhiều doanh nghiệp ngành công nghiệp đã phải đối mặt với việc cắt giảm lao động, trong đó ngành sản xuất trang phục giảm 20,8% so với năm 2019; ngành sản xuất da và các sản phẩm từ da giảm 14,6% và ngành sản xuất giường, tủ bàn ghế giảm 18,8%. Tương tự ngành dịch vụ cũng bị tác động khá lớn, trong đó ngành lưu trú và dịch vụ ăn uống giảm 12%, tương ứng giảm 11.620 lao động, ngoài ra một vài ngành có số lượng lao động lớn thuộc khu vực dịch vụ như ngành hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ cũng giảm tới 9.837 lao động, tương ứng giảm 6,2% đã kéo theo số lao động trong các doanh nghiệp giảm sâu. Năm 2020, số lượng lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp là 2.812.237 người, trong đó: nông - lâm - thủy hải sản là 10.896 lao động tăng 22,1% so với năm 2016; công nghiệp - xây dựng là 1.153.160 lao động giảm 19,5% so với năm 2016; dịch vụ là 1.648.181 lao động giảm 10,1% so với năm 2016 (Cục thống kê TP. HCM, 2021).

Số lao động bình quân trong một doanh nghiệp từ 17 người/doanh nghiệp ở năm 2016 giảm xuống còn 13 người/doanh nghiệp ở năm 2020. Tổng số lao động bình quân giai đoạn 2016-2020 của khu vực doanh nghiệp là 2.911.595,4 người trên tổng số doanh nghiệp bình quân tương ứng của giai đoạn này là 197.061,8 doanh nghiệp, trong khi đó tương ứng với giai đoạn 2011-2015 lần lượt là 2.499.456,2 trên tổng số 124.168,4 doanh nghiệp. So sánh giữa 2 giai đoạn, có thể thấy quy mô lao động trên một doanh nghiệp đang

dần bị thu hẹp, với số lao động bình quân mỗi doanh nghiệp trong giai đoạn này đang sử dụng 14,8 người, giảm 26,4% so với bình quân giai đoạn 2011-2015.

Chia theo quy mô doanh nghiệp	Số lao động bình quân giai đoạn 2011-2015	Số lao động bình quân giai đoạn 2015-2020	Tốc độ tăng/giảm (%)
Doanh nghiệp siêu nhỏ	321.437,4	407.610	+ 26,81
Doanh nghiệp nhỏ	532.743,6	573.381,2	+ 7,63
Doanh nghiệp vừa	238.491,6	260.356,6	+ 9,17
Doanh nghiệp lớn	1.406.783,6	1.670.247,6	+ 18,73
Chia theo loại hình doanh nghiệp			
Doanh nghiệp Nhà nước	204.354,4	154.769,8	- 24,26
DN. Ngoài nhà nước	1.712.437,4	2.085.819,6	+ 21,80
Doanh nghiệp FDI	582.664,4	671.006	+ 15,16

Hình 3: Số lao động trong doanh nghiệp (2011-2015), (2016-2020)

Nguồn: Cục thống kê TP. HCM, 2021

Theo khu vực kinh tế, quy mô lao động trong khu vực công nghiệp - xây dựng có sự dịch chuyển bình quân cao nhất với 23,2 người/doanh nghiệp; kế đến là các doanh nghiệp thuộc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có số lao động bình quân là 16,3 người/doanh nghiệp và cuối cùng là khu vực dịch vụ với bình quân mỗi doanh nghiệp đang sử dụng là 10,3 lao động. So với giai đoạn 2011-2015, cả ba khu vực kinh tế nói trên trong giai đoạn 2016-2020 đều có quy mô lao động bình quân giảm. Cụ thể, quy mô lao động bình quân giai đoạn 2016-2020 của ngành công nghiệp - xây dựng có 26,5 lao động/doanh nghiệp, giảm 35% so với số lao động bình quân của giai đoạn 2011-2015; ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản có quy mô lao động bình quân giai đoạn có 15,9 lao động/doanh nghiệp, giảm 3% và ngành dịch vụ có quy mô lao động bình quân giai đoạn có 10,8 lao động/doanh nghiệp, giảm 15% so với giai đoạn 2011-2015.

4. Đánh giá chung về hiện tượng di cư vào TP. HCM

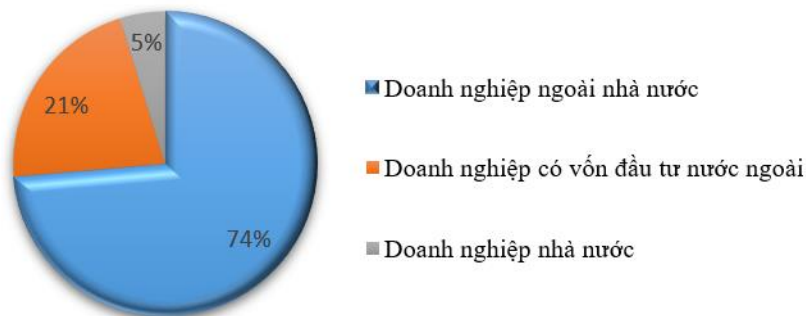
4.1. Tích cực

- *Tăng dần cơ cấu lao động sang công nghiệp và dịch vụ:* Trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa tất yếu phải có sự di chuyển lao động từ nông thôn ra thành thị, chuyển một bộ phận lao động nông nghiệp sang lao động công nghiệp và dịch vụ. V. I. Lênin viết: “Thành phố tất yếu phải kéo theo nông thôn, nông thôn tất yếu phải đi theo thành phố” (V. I. Lênin, 2005, tr. 5).

Quá trình di cư ở TP. HCM vẫn tiếp diễn và tác động làm chuyển dịch lao động theo khu vực ngành kinh tế, điều này được thể hiện ở chỗ việc làm trong nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng rất thấp giảm dần qua các kỳ Tổng điều tra từ 6,6% năm 1999 xuống 2,8% năm 2009 và năm 2019 chỉ còn 1,2%; công nghiệp và xây dựng cũng giảm từ

43,5% năm 2009 còn 37,4% năm 2019; khu vực dịch vụ luôn chiếm tỷ trọng trên 50% và tăng qua các kỳ Tổng điều tra và chiếm 61,4% năm 2019 (Cục thống kê TP. HCM, 2020). Sau hơn 20 năm, cơ cấu kinh tế thành phố tiếp tục chuyển dịch cơ cấu lao động sang khu vực dịch vụ đúng theo định hướng mà thành phố đang hướng tới. Việc biến đổi này không phải mang tính ngẫu nhiên mà trái lại nó bị chi phối bởi quy luật cung - cầu trên thị trường lao động. Quá trình nhập cư ở TP. HCM là sự biểu hiện mối quan hệ cung - cầu về lao động, thường diễn ra từ vùng dư thừa lao động đến các vùng thiếu lao động, từ các vùng kinh tế phát triển lạc hậu đến các vùng kinh tế phát triển mạnh hoặc từ các vùng đông dân đến các vùng chưa phát triển nhưng nhiều tài nguyên. Nhìn chung, khi nhu cầu về tiêu dùng các dịch vụ tăng lên đã làm cho khu vực này phát triển nhanh chóng, chính điều này đã thúc đẩy sự chuyển dịch lao động và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, hợp lý.

- *Bổ sung nguồn lực lượng lao động cho đô thị:* So với các đô thị khác trên phạm vi cả nước, TP. HCM được đánh giá là nơi tập trung nhiều lao động giỏi và sáng tạo. Trong đó, lao động nhập cư chiếm gần 70% lao động của thành phố nên đóng góp quan trọng vào nguồn cung lao động. Trong bối cảnh chung của cả nước, TP. HCM không chỉ có nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao, lao động đã qua đào tạo, có trình độ mà còn có nhu cầu về lao động phổ thông, giản đơn và lao động nhập cư sẽ đáp ứng nhu cầu này. Dệt may và da giày là hai ngành có doanh thu xuất khẩu rất lớn và thâm dụng lao động với năng lực sản xuất tương đương 40-50% cả nước. Theo Trung tâm Dự báo nhân lực và thông tin thị trường lao động thành phố, năm 2022 thành phố có hơn 2,5 triệu lao động làm trong các doanh nghiệp. Trong đó có hơn 1,9 triệu lao động làm việc tại các doanh nghiệp ngoài nhà nước, chiếm tỉ lệ 73,65%; doanh nghiệp FDI có hơn 556.000 lao động, chiếm 21,54%; doanh nghiệp nhà nước có hơn 124.000 lao động, chiếm tỉ lệ 4,81% (Hình 4).



Hình 4: Lao động theo khu vực thành phần kinh tế

Nhu cầu tuyển dụng nhân lực đã qua đào tạo chiếm 85,78% tổng nhu cầu, trong đó nhu cầu nhân lực có trình độ đại học trở lên chiếm 20,19%; cao đẳng chiếm 19,55%; trung cấp chiếm 28,64%; sơ cấp chiếm 17,4% và lao động chưa qua đào tạo chiếm 14,22%... (Báo Tuổi trẻ, 2023). Năm 2023, dự kiến nhu cầu nhân lực tại TP. HCM khoảng 280.000-300.000 lao động hoặc từ 300.000-320.000 lao động. Cụ thể, nhu cầu cần tuyển dụng lao động 9 ngành dịch vụ chủ yếu (gồm các ngành thương mại; vận tải kho bãi; du lịch, bưu chính, viễn thông; tài chính, tín dụng, ngân hàng, bảo hiểm; kinh doanh bất động sản; dịch vụ thông tin tư vấn - khoa học công nghệ; giáo dục đào tạo; y tế) chiếm 57,69%; 4 ngành công nghiệp chủ điểm (gồm cơ khí; điện tử - công nghệ thông tin; chế biến lương thực

thực phẩm, đồ uống, hóa - dược - nhựa - cao su) chiếm 20,31%; các ngành nghề khác chiếm 22% (Vân Nguyễn, 2023). Do đó, nguồn lao động di cư nhập cư sẽ cung ứng cho sự thiếu hụt lực lượng tại các khu công nghiệp và các cơ sở kinh doanh công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn TP. HCM.

Lao động nhập cư thường linh hoạt và tích cực hơn trong việc tìm kiếm việc làm, chấp nhận làm những việc nặng nhọc, vất vả, không ổn định như giúp việc nhà, trông trẻ, chạy xe ôm, đến làm công nhân trong các công trường xây dựng... Hơn nữa, số lượng các khu chế xuất, khu công nghiệp nhiều tạo ra cơ hội việc làm nhờ phát triển các hoạt động phi nông nghiệp như công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, buôn bán và dịch vụ nên nhu cầu về nguồn lao động rất lớn và phần lớn bộ phận người nhập cư sẽ đáp ứng nhu cầu đó. Sự đóng góp của người nhập cư cho các khu chế xuất, khu công nghiệp và tổng thể nền kinh tế của TP. HCM là không thể phủ nhận, thể hiện trước hết ở chỗ, hàng chục vạn lao động đã được tuyển dụng vào làm việc trong các xí nghiệp công nghiệp, các cơ quan, các doanh nghiệp thuộc khu vực nhà nước và tư nhân; hàng nghìn người lao động tự do cũng tìm kiếm được những công việc rất đa dạng như thu mua phế liệu, lái xe taxi, chạy xe ôm, giúp việc gia đình (Luong Ngọc Thúy, 2014, tr. 46-60).

- *Làm phong phú thêm đời sống văn hóa của đô thị*: Lao động nhập cư không chỉ đơn thuần góp phần làm dịch chuyển lao động mà còn là quá trình giao lưu văn hóa giữa các cộng đồng có đặc trưng văn hóa khác nhau, bởi người nhập cư đến từ nhiều địa phương khác nhau và mang theo những nét văn hóa riêng của vùng, miền, những dòng văn hóa đó không xung đột mà hòa nhập vào nhau làm phong phú thêm đời sống văn hóa đô thị.

Lao động đang làm việc trên địa bàn TP. HCM có quê quán gần rất đa dạng. Theo Phan An, lao động nhập cư chủ yếu tập trung nhiều nhất là ở các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thừa Thiên, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Bình Định, Tây Ninh, Đồng Nai, Đồng Tháp, An Giang, Tiền Giang, Long An, Vĩnh Long, Bến Tre, Cần Thơ, Trà Vinh, Sóc Trăng. Đại bộ phận lao động từ các địa phương khác đến thành phố làm việc tập trung ở các doanh nghiệp may mặc, da giày, xây dựng không có yêu cầu tay nghề cao. Lao động nữ chiếm tỷ lệ 54,53%. Riêng lao động từ các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình có tỷ lệ nữ trên 70% (Phan An, 2008, tr. 47). Thông qua quá trình di cư, người lao động có cơ hội giao lưu, tiếp thu các yếu tố văn hóa mới nhưng vẫn giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc, quê hương mình. Những lớp người nhập cư vào thành phố không chỉ mang lại sức sống và sự năng động kinh tế - xã hội cho khu vực đô thị, nó còn góp phần tạo nên bức tranh đa dạng và sống động trong đời sống văn hóa của thị dân.

- *Góp phần mở rộng và phát triển không gian đô thị*: Về mặt lịch sử, quá trình di cư gắn liền với sự tăng trưởng của nhân khẩu đô thị. Dân cư thành phố tăng lên theo từng năm và sự tăng lên này một phần là do lượng người nhập cư. Sự phát triển mạnh mẽ các ngành kinh tế là nguyên nhân thúc đẩy di cư, chính cuộc sống cao hơn về vật chất lẫn tinh thần ở đô thị đã tạo ra một sức hấp dẫn mạnh mẽ đối với cư dân nông thôn và ngược lại. Quá trình nhập cư vào đô thị lại góp phần đẩy nhanh quá trình đô thị hóa, làm tăng nhanh dân số đô thị, chính điều này tạo cơ hội để các đô thị mở rộng không gian nhằm giảm áp lực về mật độ dân số, giao thông... trong quá trình phát triển.

Quá trình mở rộng không gian đô thị đã dẫn tới việc hình thành các khu vực đô thị với chức năng kinh tế cụ thể: khu vực nội đô (12 quận nội thành cũ) gắn với hoạt động kinh tế chính là dịch vụ, khu vực vùng ven (7 quận mới) với chức năng chính là công nghiệp và dịch vụ, và 5 huyện ngoại thành là vùng sản xuất nông nghiệp chính của thành

phố (Phạm Thị Bạch Tuyết, 2016). Nhiều tuyến đường liên tỉnh được xây dựng, tạo mối quan hệ liên vùng đã góp phần thúc đẩy mối quan hệ giao lưu kinh tế, thu hút dân cư và lao động, các dòng di chuyển lao động giữa TP. HCM với các khu vực được thực hiện một cách thuận lợi.

4.2. Hạn chế

- *Tạo sức ép về dân số, lao động, việc làm:* TP. HCM luôn phải đối mặt với tăng dân số cơ học với dân số đông nhất cả nước là 9.320.866 người (2023), chiếm 9,4% số dân cả nước. Từ năm 2009 đến 2019, tốc độ tăng dân số của TP. HCM là 2,28%/năm, bình quân mỗi năm tăng khoảng 183.000 người, gần bằng dân số của một quận quy mô nhỏ (Cục thống kê TP. HCM, 2020). Tăng dân số cơ học tạo sức ép lớn về vấn đề chỗ ở cho người dân, môi trường, cơ sở hạ tầng, an sinh xã hội... nếu không kịp thời giải quyết sẽ kìm hãm sự phát triển kinh tế, kéo theo nhiều hệ lụy khác.

Cuối năm 2022 đến năm 2023, tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng diễn ra đối với một số ngành dẫn đến việc cắt, giảm lao động, thiếu việc làm ở một số doanh nghiệp trong lĩnh vực xuất khẩu giày da, may mặc, chế biến đồ gỗ. Tình trạng thiếu việc làm, thất nghiệp ở TP. HCM đã tồn tại nay lại bổ sung thêm lực lượng di dân ngoại thành vào, điều đó làm cho số lao động có nhu cầu giải quyết việc làm mỗi năm tăng nhanh, gây nên sức ép về việc làm ngày càng tăng. Đồng thời, đây cũng là nguyên nhân dẫn tới những mặt tiêu cực khác phát sinh như nạn trộm cướp, cờ bạc, mại dâm... tạo ra gánh nặng về mặt kinh tế, xã hội cho thành phố.

- *Tạo sức ép trong việc cung ứng nhà ở:* Nhà ở là vấn đề nan giải đầu tiên đối với chính quyền đô thị TP. HCM. Tuy hàng triệu m² nhà đã được xây dựng mới để phục vụ nhu cầu của lao động nhưng vẫn chưa đáp ứng được hết nhu cầu về nhà ở cho người nhập cư. Đây là một thách thức đối với chính quyền TP. HCM trong quá trình di cư. TP. HCM cũng có chính sách hỗ trợ vay tiền để mua nhà, doanh nghiệp cũng xây dựng nhà để cung ứng, tuy nhiên mức giá của nhà ở xã hội hiện tại vẫn đang khá cao và nguồn cung rất ít. Theo thống kê của Sở Xây dựng TP. HCM năm 2023, toàn thành phố có 46 dự án nhà ở xã hội, với gần 35.000 căn hộ được phê duyệt (chưa bằng 1,8% số lượng nhà ở toàn thành phố hiện nay). Năm 2022, 10 dự án với 6.751 căn hộ được triển khai xây dựng, nhưng chỉ hoàn thành được một dự án với 260 căn. Mức giá nhà ở xã hội tại TP. HCM giao động từ 14-20 triệu đồng/m². Trong khi đó, mức thu nhập bình quân của nhóm 20% thu nhập thấp nhất ở TP. HCM vào năm 2021 là 2,816 triệu đồng/tháng.

- *Gia tăng sức ép về quản lý trật tự xã hội đối với chính quyền:* Một bộ phận người nhập cư có hạn chế về chuyên môn, tay nghề nên họ làm đủ các loại công việc từ công nhân cho đến thợ nề, từ buôn bán rong đến người dọn vệ sinh... Do vậy, họ dễ bị ảnh hưởng các thói hư tật xấu, làm tăng thêm sự phức tạp những vấn đề xã hội vốn đã nan giải ở thành phố, gây khó khăn cho công tác quản lý. Kinh tế vi hệ, chợ lao động... tập trung chủ yếu là các lao động ngoại tỉnh thiếu hoặc không có việc làm ra thành phố tìm việc. Họ được thuê mướn để làm các công việc có tính chất thủ công, nặng nhọc như khuân vác, đào đất, kéo xe, quét dọn... và được trả công theo từng việc, trong một thời gian ngắn. Riêng chợ lao động là hình thức vốn có của thị trường lao động nhưng do không được tổ chức và kiểm soát chặt chẽ đã dẫn đến hiện tượng mất trật tự công cộng và an toàn xã hội (Hoàng Văn Chúc, 2004, tr. 155). Năm 2023, TP. HCM tồn đọng 47 địa bàn trọng điểm, phức tạp về trật tự, an toàn xã hội. Do đó, thành phố đã ban hành Quyết định 707/QĐ-BCĐ của Ban

chỉ đạo 138 để chuyển hóa các địa bàn vừa nêu trên (Ủy ban Nhân dân TP. HCM, 2023).

Lượng người nhập cư đông làm cho môi trường sống trở nên ngột ngạt. Tình trạng thiếu nước sạch sinh hoạt, ô nhiễm không khí và tiếng ồn... đặc biệt là rác thải sinh hoạt ngày càng gia tăng; chất thải từ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp chưa qua xử lý đã gây sức ép lớn về môi trường. Đơn cử, rạch Xuyên Tâm (bắt đầu từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè) dài 8,2 km là hệ thống gồm rạch Cầu Bông, rạch Cầu Sơn, rạch Long Vân Tự, rạch Lăng đi qua hai quận Bình Thạnh và Gò Vấp và điểm cuối là sông Vàm Thuật (Báo Tuổi Trẻ, 2022). Kênh rạch này hứng chịu đủ thứ ô nhiễm đổ xuống do lượng nhập cư sinh sống, xả thải vào dòng kênh. Nhiều hộ dân hơn 20 năm vẫn phải chấp nhận sinh sống trong những căn nhà sàn lụp xụp tạm bợ dọc hai bên bờ rạch Xuyên Tâm, xung quanh là rác và đủ loại chất thải khác có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe.

5. Một số kiến nghị

- *Chính sách về tiền lương*: Đối với lao động nhập cư thì tiền lương là động lực quan trọng. Mặc dù chính sách tiền lương có những thay đổi để phù hợp với tình hình thực tế nhưng vẫn còn nhiều điểm chưa hợp lý, chưa đáp ứng được nhu cầu của đại đa số lao động nhập cư, đặc biệt là đối tượng lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp, khu chế xuất trên địa bàn. Do đó, trong những năm tới vấn đề nghiên cứu và đề xuất mức lương tối thiểu phải bổ sung thêm các tiêu chí mang ý nghĩa thực tiễn như: đời sống lao động, chỉ số giá tiêu dùng, sự chênh lệch mức lương giữa khu vực phi chính thức và chính thức, giữa doanh nghiệp quy mô lớn và quy mô nhỏ, kể cả doanh nghiệp phân theo khu vực kinh tế.

- *Chính sách về nhà ở*: An cư, lạc nghiệp là tâm lý chung của mỗi lao động nhập cư. Trong kế hoạch phát triển diện mạo của TP. HCM giai đoạn 2021-2025 có đề cập nội dung nhà ở xã hội cho lao động có thu nhập thấp. Tuy nhiên mục tiêu phát triển nhà ở xã hội nhằm đáp ứng yêu cầu về nhà ở cho công nhân lao động đã và đang được thực hiện còn điểm bất cập. Do đó, thiết nghĩ rằng cần phải có chính sách tổng thể và đồng bộ để các cấp chính quyền, nhà đầu tư, doanh nghiệp, người dân và người lao động thực sự cùng tham gia. Đặc biệt, vấn đề nhà ở cho lao động nhập cư nên được coi là một yếu tố quan trọng gắn liền với sự hình thành và phát triển của các khu công nghiệp, khu chế xuất. Đồng thời, đây được xem là nhân tố khách quan đi liền với quá trình phát triển kinh tế đất nước, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Việc xác lập các quỹ hỗ trợ nhà ở công nhân và cho vay với mức lãi suất ưu đãi là rất cần thiết, vì vậy chính quyền cần có chính sách hỗ trợ lãi suất để doanh nghiệp chủ động đầu tư xây dựng khu nhà lưu trú công nhân. Trong đó nguồn vốn tín dụng từ các ngân hàng thương mại được xem là nhân tố thúc đẩy cho các doanh nghiệp, đồng thời nên xem xét hỗ trợ trực tiếp một phần cho lao động nhập cư thông qua Quỹ hỗ trợ phát triển nhà ở.

- *Các chính sách tạo ra sự công bằng xã hội*: Các chính sách về giáo dục, dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ vốn, bảo hiểm xã hội... liên quan trực tiếp đến lao động nhập cư bởi nó sẽ tạo ra sự công bằng xã hội. Do đó, việc ban hành hệ thống các chính sách này thì phải đảm bảo không có sự phân biệt giữa lao động nhập cư và lao động chính cư. Bên cạnh đó, Công đoàn các cấp cần tiếp tục quan tâm và chăm lo đời sống tinh thần cho công nhân lao động, đồng thời phối hợp với Đoàn thanh niên trong các doanh nghiệp để hỗ trợ kịp thời. Công đoàn cần tích cực tham gia giải quyết các tranh chấp lao động, bảo vệ quyền lợi cho người lao động. Song song đó là các hoạt động chăm lo đời sống lao động nhập cư cũng cần có sự quan tâm của các cấp, các ngành bằng nhiều biện pháp: hỗ

trợ cho người lao động vay vốn, xây dựng các quỹ tương trợ nội bộ nhằm giúp lao động giải quyết khó khăn trong đời sống. Vận động, tạo điều kiện tốt nhất để doanh nghiệp tham gia xây dựng, phát triển các dịch vụ xã hội như câu lạc bộ, thư viện, các hội nghề nghiệp, hội về giới, trung tâm sinh hoạt cộng đồng (ở các khu công nghiệp, khu chế xuất).

6. Kết luận

Di cư là một hiện tượng vận động theo sự phát triển quy luật của xã hội. Đối với TP. HCM, nơi được xem hội đủ điều kiện lý tưởng, hấp dẫn như sự phát triển tốt về cơ sở y tế, giáo dục, giao thông, nguồn thu nhập... nên thu hút nhiều lực lượng lao động nhập cư tìm việc. Hiệu ứng này vừa tác động tích cực, vừa tiêu cực. Tác động tích cực là cải thiện chất lượng nguồn lao động, tái cơ cấu và chuyển dịch nền kinh tế, đặc biệt là quá trình sắp xếp lại nền kinh tế theo quy mô lớn hơn, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công việc. Bên cạnh đó, hạn chế của lao động nhập cư này cũng là bài toán nan giải cho chính quyền các cấp. Do đó, tác giả đưa ra một số kiến nghị về chính sách tiền lương, chính sách về nhà ở xã hội, các chính sách tạo ra công bằng xã hội để từ đó tiếp tục khắc phục những hạn chế và phát huy những điểm mạnh của hiện tượng di cư ở TP. HCM trong những năm tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cục thống kê Thành phố Hồ Chí Minh (2020). *Thực trạng dân số qua cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở thời điểm 0 giờ ngày 1 tháng 4 năm 2019 Thành phố Hồ Chí Minh*. Thành phố Hồ Chí Minh.
- Cục thống kê Thành phố Hồ Chí Minh (2021). *Kết quả tổng điều tra kinh tế xã hội Thành phố Hồ Chí Minh năm 2021*. TP. Hồ Chí Minh (Tài liệu lưu hành nội bộ).
- Cục thống kê Thành phố Hồ Chí Minh (2023). *Báo cáo tình hình kinh tế xã hội năm 2022*. Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (2015). *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ X*. Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (2020). *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI*. Thành phố Hồ Chí Minh.
- Everret S. Lee (1993). *A theory of Migration*, *Demography*, vol. 3, no. 1. USA: Population Association of America.
- Hoàng Văn Chức (2004). *Di cư tự do đến Hà Nội: Thực trạng và giải pháp*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.
- Lê Phan, Châu Tuấn (2022). 20 năm chờ rạch Xuyên Tâm chuyển mình. *Tuổi trẻ online*. Truy cập từ <https://tuoitre.vn/20-nam-cho-rach-xuyen-tam-chuyen-minh-20220710085233946.htm>
- Liên Hiệp quốc tại Việt Nam (2010). *Di cư trong nước - Cơ hội và thách thức đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam*. Tài liệu lưu hành nội bộ.
- Lương Ngọc Thúy (2014). Di dân từ nông thôn ra thành thị trong quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí nghiên cứu con người*, 49-60.

- Phạm Thị Bạch Tuyết (2016). *Chuyển dịch cơ cấu lao động ở Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình đô thị hóa*. Luận án Tiến sĩ Địa lý học, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Phan An (2008). *Đình công tại Thành phố Hồ Chí Minh: Thực trạng và giải pháp*. Viện khoa học xã hội vùng Nam Bộ.
- Tổng Cục thống kê (2020). *Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 Di cư và đô thị hóa: thực trạng, xu hướng và những khác biệt*. Hà Nội: NXB Tài chính.
- TTXVN (2023). Infographic: Thành phố Hồ Chí Minh hút gần 5 triệu lao động năm 2023. *Tuổi trẻ online*. Truy cập từ <https://tuoitre.vn/infographic-tp-hcm-hut-gan-5-trieu-lao-dong-nam-2023-20230204201624849.htm#:~:text=HCM%20th%C3%B4ng%20b%C3%A1o%20d%E1%BB%B1%20t%C3%ADnh,%2C%20chi%E1%BA%BFm%2022%2C3%25>.
- Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2023). *Quyết định 707/QĐ-BCĐ của Ban chỉ đạo 138 phê duyệt danh sách 47 địa bàn trọng điểm, phức tạp về trật tự, an toàn xã hội tại TP. Hồ Chí Minh được chọn chuyển hoá trong năm 2023*. Thành phố Hồ Chí Minh.
- V. I. Lênin (2005). *Lê-nin Toàn tập, Tập 40*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.
- Vân Nguyễn (2023). TP.HCM cần đến 73.00 lao động trong quý 2/2023. Tạp chí điện tử của Hội Khoa học Kinh tế Việt Nam. *VnEconomy - Tạp chí kinh tế Việt Nam*. Truy cập từ <https://vneconomy.vn/tp-hcm-can-den-73-00-lao-dong-trong-quy-2-2023>
- World Population Review (2023). Ho Chi Minh City Population 2023. Truy cập từ <https://worldpopulationreview.com/world-cities/ho-chi-minh-city-population>

ABSTRACT

URBAN MIGRATION AND ITS IMPACT ON LABOR WORKERS IN HO CHI MINH CITY

Do Cao Phuc

Saigon University, Ho Chi Minh City, Vietnam

Received on 12/9/2023, accepted for publication on 27/12/2023

The article mentions the migration factor associated with the movement of labor in Ho Chi Minh City, specifically the number of workers by urban and rural areas by economic sector and enterprise sector. There have been both positive and negative impacts, especially on immigrant workers. Research methods of dialectical materialism, historical materialism along with the approach of historical science were used. In addition, data collection methods and data analysis methods combined with sociological approaches are also applied. The research results reconstruct the overall migration process in Ho Chi Minh City and its impacts. Simultaneously, the article offers a number of recommendations to improve policies for this group with the purpose of advising the government to promote migrant workers in the coming years.

Keywords: Migration; urban; labor; transition; Ho Chi Minh City.